

Số: 797 /QĐ-UBND

Tương Dương, ngày 05 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc niêm yết công khai Danh mục thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TƯƠNG DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Niêm yết công khai kèm theo quyết định này Danh mục 417 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã được niêm yết công khai tại UBND xã Tương Dương (Có danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã, Trưởng các phòng, ban chuyên môn, trung tâm hành chính công xã, cán bộ, công chức liên quan xã chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng: Kinh tế, VH-XH;
- VP HĐND-UBND xã;
- BQL các xóm, bản;
- Công TTĐT xã Tương Dương;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Tài

DANH SÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 05/12/2025 của UBND xã)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Đối tượng	Lĩnh vực	Cơ quan công khai	Cấp thực hiện	Tình trạng
1	2.002755.H41	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, đã thôi việc, đã về gia đình (đối tượng còn sống) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh	007/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

2	1.013128.H41	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cơ sở, cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển.	2678/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; CB,CCVC; DN; DN có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; HTX	Ứng phó sự cố tràn dầu (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
3	2.002757.H41	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã thôi việc, đã về gia đình (đối với đối tượng đã từ trần) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh	007/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
4	1.014359.H41	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hòa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	3216/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

5	1.014336.H41	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	3068/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ GD&ĐT)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
6	1.014337.H41	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	3068/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
7	1.014335.H41	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	3068/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
8	1.014259.H41	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp Xã)	2838/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

9	1.014258.H41	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp Xã)	2838/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
10	1.014312.H41	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	2976/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
11	1.014310.H41	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	2976/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
12	1.014193.H41	Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	2805/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Bảo hiểm y tế (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
13	1.014157.H41	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	6666/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai

				nước ngoài				
14	1.014159.H41	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	6666/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

15	1.014155.H41	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	6666/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
16	1.014158.H41	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	6666/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
17	1.014156.H41	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	6666/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai

18	1.014275.H41	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	2866/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
19	1.014284.H41	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	2866/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
20	3.000509.H41	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, bị thương	2667/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
21	3.000494.H41	Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân	2667/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

22	3.000510.H41	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị chết	2S667/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
23	2.000950.H41	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	2040/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
24	1.014150.H41	Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	0001./QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
25	1.014149.H41	Xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	0001./QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
26	1.013997.H41	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	1995/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
27	2.002096.H41	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	2136/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công nghiệp địa phương (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

28	3.000502.H41	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	2260/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
29	1.014027.H41	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	2148/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
30	1.014028.H41	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	2148/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

31	1.013744.H41	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng thuộc diện Trung ương quản lý	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
32	1.013745.H41	Xác nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
33	1.010773.H41	Tổ chức phát động học tập tấm gương trong phạm vi cả nước đối với trường hợp hy sinh, bị thương quy định tại điểm k khoản 1 Điều 14 và điểm k khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh	1901/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai

34	1.010783.H41	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
35	1.013743.H41	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đăng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ, sỹ quan thuộc lực lượng vũ trang (công an, quân đội)	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
36	1.010788.H41	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
37	1.010778.H41	Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
38	1.010777.H41	Cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

39	1.010775.H41	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
40	1.010774.H41	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
41	1.010781.H41	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

42	1.010772.H41	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
43	1.013791.H41	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	1949/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
44	1.013725.H41	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh .	1926/QĐ-UBND.	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
45	1.013724.H41	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động .	1926/QĐ-UBND.	Công dân Việt Nam	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
46	1.013750.H41	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
47	1.013706.H41	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	2581/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

48	1.013749.H41	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
49	2.002228.H41	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	1909/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
50	1.013734.H41	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết .	1899QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
51	3.000443.H41	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	1939/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

				xã				
52	3.000440.H41	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	1939/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
53	2.002396.H41	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	2344/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
54	1.013793.H41	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	1949/QĐ-UBND..	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

55	3.000441.H41	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	1939/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
56	3.000439.H41	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	1939/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

57	1.013792.H41	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	4508/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
58	1.013794.H41	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	1949/QĐ-UBND..	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
59	2.002226.H41	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	1909/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
60	3.000442.H41	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	1939/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp,	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

				HTX); Hợp tác xã				
61	1.013795.H41	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	1949/QĐ-UBND..	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
62	1.013703.H41	Thành lập hội	2581/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
63	1.013716.H41	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	3015/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
64	1.013708.H41	Hội tự giải thể	2581/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
65	1.013712.H41	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	3015/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
66	1.013702.H41	Công nhận ban vận động thành lập hội	2581/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

67	1.013715.H41	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	3015/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
68	1.013709.H41	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	2581/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
69	1.013714.H41	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	3015/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
70	1.013711.H41	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	3015/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
71	1.013704.H41	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	2581/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
72	3.000468.H41	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	1993/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
73	3.000467.H41	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	1993/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai

74	1.012422.H41	Đề nghị xét tặng Danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú”	3011/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Thi đua, khen thưởng (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
75	1.013274.H41	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	1983/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
76	1.013979.H41	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	1942/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

77	1.013965.H41	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	2866/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
78	1.013962.H41	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	2866/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

79	1.013949.H41	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	2866/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
80	1.013967.H41	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	1942/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
81	1.013952.H41	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	2866/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

82	1.013953.H41	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	2866/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
83	1.013978.H41	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	2866/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
84	1.013950.H41	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	2866/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

85	1.005040.H41	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	2050/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
86	1.013061.H41	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	1982/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

87	1.004844.H41	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	900/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
88	1.013713.H41	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	3015/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
89	1.013710.H41	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	2581/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
90	1.013707.H41	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	2581/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
91	1.013768.H41	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	1938/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
92	1.013040.H41	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	1920 /QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

					sách nhà nước (Bộ Tài chính)			
93	2.002650.H41	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2103/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
94	2.002649.H41	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2103/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
95	2.002648.H41	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2103/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
96	2.002644.H41	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	2103/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

97	2.002642.H41	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	2103/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
98	2.002640.H41	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	2103/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
99	2.002639.H41	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	2103/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
100	2.002638.H41	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác/ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	2103/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

101	2.002646.H41	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	2103/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
102	2.002645.H41	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2103/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
103	2.002641.H41	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	2103/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
104	2.002637.H41	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	2103/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai

105	2.002643.H41	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2103/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
106	2.002636.H41	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	2103/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
107	2.002635.H41	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	2103/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
108	1.013798.H41	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức trong một xã	1931/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
109	1.013797.H41	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	1931/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

110	1.013796.H41	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	1931/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
111	1.013717.H41	Quỹ tự giải thể	3015/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
112	2.002770.H41	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	1501/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
113	2.002771.H41	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	1501/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
114	3.000410.H41	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	1996/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
115	3.000325.000.00.00.H41	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	327/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

116	3.000326.000. 00.00.H41	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	1996/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
117	3.000327.000. 00.00.H41	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	1996/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
118	1.013314.000. 00.00.H41	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	718/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
119	1.013313.000. 00.00.H41	Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	718/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
120	3.000323.000. 00.00.H41	Đăng ký giám sát việc giám hộ	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
121	3.000322.000. 00.00.H41	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

122	1.013228.000.00.00.H41	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1975/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
123	1.013226.000.00.00.H41	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1975/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
124	1.013227.000.00.00.H41	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1975/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

125	1.013232.000. 00.00.H41	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1975/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
126	1.013229.000. 00.00.H41	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	1975/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
127	1.013225.000. 00.00.H41	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1975/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

128	1.012974.000.00.00.H41	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1902,1991/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
129	1.012973.000.00.00.H41	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1902,1991/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
130	1.012971.000.00.00.H41	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1902,1991/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
131	1.012970.000.00.00.H41	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	1902,1991/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
132	1.012969.000.00.00.H41	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	1902,1991/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

133	1.012966.000.00.00.H41	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	1902,1991/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
134	1.012965.000.00.00.H41	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	1902,1991/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
135	1.012975.000.00.00.H41	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	1902,1991/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
136	1.012972.000.00.00.H41	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	1902,1991/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
137	1.012968.000.00.00.H41	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1902,1991/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

138	1.012967.000.00.00.H41	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1902,1991/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
139	1.012964.000.00.00.H41	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1902,1991/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
140	1.012961.000.00.00.H41	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1902,1991/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
141	1.012963.000.00.00.H41	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	1902,1991/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

142	1.012962.000.00.00.H41	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1902,1991/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
143	3.000309.000.00.00.H41	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	1902,1991/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
144	3.000307.000.00.00.H41	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	1902,1991/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

145	3.000308.000. 00.00.H41	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	1902,1991/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
146	1.012994.000. 00.00.H41	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	2392/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
147	1.012996.000. 00.00.H41	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	3305/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

148	1.012995.000. 00.00.H41	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	3305/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
149	1.012922.000. 00.00.H41	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	1395/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
150	1.012888.000. 00.00.H41	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	2031/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
151	2.002668.000. 00.00.H41	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2770/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

152	1.012837.000. 00.00.H41	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	1995/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
153	1.012836.000. 00.00.H41	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, gang tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	1995/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
154	1.012818.000. 00.00.H41	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	1397/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

155	1.012753.000. 00.00.H41	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	2866/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
156	1.012812.000. 00.00.H41	Hòa giải tranh chấp đất đai	1942/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
157	1.012796.000. 00.00.H41	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	1942/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

158	1.012817.000. 00.00.H41	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	1942/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
159	1.012695.000. 00.00.H41	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	1395/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
160	1.012694.000. 00.00.H41	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	3004/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; CB, CC, VC; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); HTX	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
161	1.012582.000. 00.00.H41	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác (cấp xã)	1931/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
162	1.012590.000. 00.00.H41	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	1931/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

163	1.012584.000.00.00.H41	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã (cấp xã)	1931/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
164	1.012585.000.00.00.H41	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	1931/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
165	1.012591.000.00.00.H41	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	1931/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
166	1.012592.000.00.00.H41	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	1931/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
167	1.012568.000.00.00.H41	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	1945/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

168	1.012569.000.00.00.H41	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	1945/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
169	1.012531.000.00.00.H41	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	1395/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); HTX	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
170	1.012538.000.00.00.H41	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ	3357/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Công an)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
171	1.012537.000.00.00.H41	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ	3357/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Công an)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
172	1.012533.000.00.00.H41	Tuyển chọn Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự	1812/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Tổ chức, cán bộ (Bộ Công an)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

173	2.002620.000. 00.00.H41	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	2190/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
174	3.000256.000. 00.00.H41	Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật	1132/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
175	3.000257.000. 00.00.H41	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước	1132/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hộ	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

				tác xã				
176	1.012427.000. 00.00.H41	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	005/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Cụm Công nghiệp (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
177	1.012301.000. 00.00.H41	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	581/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
178	1.012300.000. 00.00.H41	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ- CP)	581/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
179	1.012299.000. 00.00.H41	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	581/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
180	3.000250.000. 00.00.H41	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	3004/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); HTX	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
181	1.012085.000. 00.00.H41	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	250/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

182	1.012084.000.00.00.H41	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	250/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
183	1.012223.000.00.00.H41	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	1931/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
184	1.012222.000.00.00.H41	Công nhận người có uy tín	1931/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
185	1.008603.000.00.00.H41	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	1920 /QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
186	1.005377.000.00.00.H41	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	4270 /QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

187	1.011803	Hỗ trợ cước phí thuê bao dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình	1613/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); HTX	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
188	1.011802	Hỗ trợ kinh phí mua bộ thiết bị giám sát hành trình thay thế thiết bị Movimar	2409/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); HTX	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
189	1.011801	Hỗ trợ kinh phí chuyên biển cho tàu cá khai thác thủy sản vùng khơi	1613/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); HTX	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

190	1.010092.000.00.00.H41	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	1934/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
191	1.010091.000.00.00.H41	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	1934/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
192	1.011471.000.00.00.H41	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	1395/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); HTX	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
193	1.010830.000.00.00.H41	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
194	1.010829.000.00.00.H41	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

195	1.010811.000. 00.00.H41	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	3017/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
196	1.010803.000. 00.00.H41	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
197	1.010802.000. 00.00.H41	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
198	1.010801.000. 00.00.H41	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
199	1.011606.000. 00.00.H41	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	1341/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
200	1.011609.000. 00.00.H41	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	1341/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
201	1.011642	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng	1191/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
202	1.011607.000. 00.00.H41	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	1341/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

203	1.011608.000. 00.00.H41	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	1341/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
204	1.010941.000. 00.00.H41	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	2373/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
205	2.001960.000. 00.00.H41	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	1992/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
206	2.002284.000. 00.00.H41	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	1992/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
207	1.010833.000. 00.00.H41	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
208	2.001396.000. 00.00.H41	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
209	1.010825.000. 00.00.H41	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
210	1.010824.000. 00.00.H41	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp,	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

				HTX)				
211	2.001157.000.00.00.H41	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
212	1.010821.000.00.00.H41	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
213	1.010820.000.00.00.H41	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
214	1.010819.000.00.00.H41	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
215	1.010818.000.00.00.H41	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
216	1.010817.000.00.00.H41	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
217	1.010816.000.00.00.H41	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
218	1.010812.000.00.00.H41	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tinh quản lý	3017/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
219	1.010815.000.00.00.H41	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

220	1.010814.000. 00.00.H41	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
221	1.010810.000. 00.00.H41	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
222	1.000314.000. 00.00.H41	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	1983/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; HTX	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
223	1.010805.000. 00.00.H41	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
224	1.010804.000. 00.00.H41	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
225	2.000986.000. 00.00.H41	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	3679/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

226	2.002516.000.00.00.H41	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm DN, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
227	1.011494	Hỗ trợ kinh phí hàng tháng đối với người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng thuộc hộ gia đình nghèo	1095/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm DN, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
228	1.011329	Thủ tục Hỗ trợ chi phí mua sắm, máy móc, thiết bị, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất sản phẩm OCOP; xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị bảo quản, trang trí điểm cho đơn vị thực hiện việc giới thiệu và bán các sản phẩm OCOP; thiết kế, mua bao bì thương phẩm, mua nhãn hàng hóa	4824/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
229	1.010945.000.00.00.H41	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	2301/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); HTX	Tiếp công dân (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

230	2.002501.000. 00.00.H41	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	2301/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); HTX	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
231	2.002483.000. 00.00.H41	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	1239/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
232	2.002482.000. 00.00.H41	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	1239/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
233	2.002481.000. 00.00.H41	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	3012/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
234	1.010940.000. 00.00.H41	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	2373/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
235	2.001661.000. 00.00.H41	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	1002/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
236	1.010939.000. 00.00.H41	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	2373/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp,	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

				HTX)				
237	1.010938.000. 00.00.H41	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	2373/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
238	2.002308.000. 00.00.H41	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
239	1.001257.000. 00.00.H41	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc TW	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
240	2.002307.000. 00.00.H41	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	1901/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

241	1.010736.000.00.00.H41	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	1937/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; HTX	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
242	1.009794.000.00.00.H41	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	1981/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý chất lượng công trình xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
243	2.002409.000.00.00.H41	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	2344/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

				doanh nghiệp, HTX); HTX				
244	1.000713.000.00.00.H41	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1993/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
245	1.000711.000.00.00.H41	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1993/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
246	1.000715.000.00.00.H41	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1993/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
247	1.002407.000.00.00.H41	Xét, cấp học bổng chính sách	3514/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
248	3.000182.000.00.00.H41	Tuyển sinh trung học cơ sở	3012/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

249	1.008950.000. 00.00.H41	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	1081/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
250	1.008951.000. 00.00.H41	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	3514/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
251	1.000691.000. 00.00.H41	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	1993/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
252	1.000280.000. 00.00.H41	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	1993/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
253	1.000288.000. 00.00.H41	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	1993/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

					quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)			
254	1.001714.000.00.00.H41	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	3012/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ GD&ĐT)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
255	2.002349.000.00.00.H41	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	403/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
256	1.002179.000.00.00.H41	Đăng ký, đăng ký lại, điều chỉnh đóng BHXH tự nguyện; cấp sổ BHXH	3381/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thu BHXH, BHYT, BHTN, BH tai nạn lao động, BNN (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
257	1.001939.000.00.00.H41	Đăng ký đóng, cấp thẻ BHYT đối với người chỉ tham gia BHYT	3381/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thu BHXH, BHYT, BHTN, BH tai nạn lao động, BNN (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

258	1.002759.000.00.00.H41	Cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin trên sổ BHXH, thẻ BHYT	3381/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); HTX	Cấp sổ BHXH, thẻ BHYT (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
259	1.002051.000.00.00.H41	Đăng ký, điều chỉnh đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN; cấp sổ BHXH, thẻ BHYT	3381/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; HTX	Thu BHXH, BHYT, BHTN, BH tai nạn lao động, BNN (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
260	2.002080.000.00.00.H41	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	2040/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

261	2.002363.000. 00.00.H41	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	403/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
262	2.000930.000. 00.00.H41	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	2040/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm DN, HTX)	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
263	1.001731.000. 00.00.H41	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	1913 /QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm DN, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
264	1.009453.000. 00.00.H41	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	2113/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; HTX	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
265	1.001622.000. 00.00.H41	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	1081/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ GD&ĐT)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

266	1.001653.000. 00.00.H41	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	1002/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
267	1.001699.000. 00.00.H41	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	1002/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
268	2.001621.000. 00.00.H41	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	2143/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
269	1.003596.000. 00.00.H41	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	1574/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
270	1.003440.000. 00.00.H41	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	2143/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

271	1.003446.000. 00.00.H41	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	2143/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
272	1.008004.000. 00.00.H41	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	1369/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
273	2.001627.000. 00.00.H41	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp.	2479/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm DN, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

274	2.001827.000. 00.00.H41	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	2386/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; CB, CC, VC; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; HTX	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
275	1.008725.000. 00.00.H41	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1902,1991/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
276	1.008724.000. 00.00.H41	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1902,1991/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

277	1.007919.000. 00.00.H41	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	3004/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
278	1.009465.000. 00.00.H41	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	2113/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

279	1.009454.000. 00.00.H41	Công bố hoạt động bên thủy nội địa	2113/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
280	1.009452.000. 00.00.H41	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	2113/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

281	1.009447.000. 00.00.H41	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	2113/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
282	1.009444.000. 00.00.H41	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	2113/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

283	1.009455.000. 00.00.H41	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	2113/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
284	2.001406.000. 00.00.H41	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	009/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tur pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

285	2.000206.000. 00.00.H41	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	1945/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; CB, CC, VC; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; HTX	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
286	1.004047.000. 00.00.H41	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	2050/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

287	1.005280.000.00.00.H41	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	4270 /QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
288	2.001921.000.00.00.H41	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cố định, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bán xích lưu hành trên đường bộ	1983/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

289	1.006391.000.00.00.H41	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	2050/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); HTX	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
290	1.006445.000.00.00.H41	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1902,1991/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
291	1.006444.000.00.00.H41	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	1902,1991/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
292	1.006390.000.00.00.H41	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	1902,1991/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

293	1.001639.000.00.00.H41	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	1902,1991/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
294	1.004563.000.00.00.H41	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	1902,1991/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
295	1.004552.000.00.00.H41	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	1902,1991/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
296	1.005090.000.00.00.H41	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	3012/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
297	2.000355.000.00.00.H41	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	1913 /QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
298	1.001776.000.00.00.H41	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1913 /QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

299	1.004944.000. 00.00.H41	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	2211/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm DN, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
300	1.004964.000. 00.00.H41	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	1025/QĐ-BNV	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
301	1.001662.000. 00.00.H41	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	1013/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm DN, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
302	2.001942.000. 00.00.H41	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	2211/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm DN, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
303	2.001944.000. 00.00.H41	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	2211/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

304	1.004941.000. 00.00.H41	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	2211/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
305	2.001947.000. 00.00.H41	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2211/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
306	1.004946.000. 00.00.H41	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	2211/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
307	2.001261.000. 00.00.H41	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	005/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
308	2.001270.000. 00.00.H41	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	005/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

309	2.001283.000. 00.00.H41	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	005/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
310	2.000150.000. 00.00.H41	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2136/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
311	2.000162.000. 00.00.H41	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2136/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
312	2.000181.000. 00.00.H41	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2136/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
313	2.001240.000. 00.00.H41	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	1945/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
314	2.000615.000. 00.00.H41	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	1945/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

315	2.000620.000. 00.00.H41	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	1945/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
316	1.001279.000. 00.00.H41	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	005/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
317	2.000629.000. 00.00.H41	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	005/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
318	2.000633.000. 00.00.H41	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	005/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
319	2.000282.000. 00.00.H41	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	1913 /QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

320	2.001218.000.00.00.H41	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	2113/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; HTX	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
321	2.001217.000.00.00.H41	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	2113/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; DN có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; HTX	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

322	1.003658.000. 00.00.H41	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	2113/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; DN có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; HTX	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
323	2.001659.000. 00.00.H41	Xóa đăng ký phương tiện	2050/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; DN; DN có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; HTX	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

324	1.004036.000. 00.00.H41	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	2050/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; DN có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; HTX	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
325	1.003930.000. 00.00.H41	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	2050/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; HTX	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

326	1.003970.000. 00.00.H41	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	2050/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; DN; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; HTX	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
327	1.004002.000. 00.00.H41	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	2050/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; DN; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; HTX	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

328	2.001711.000. 00.00.H41	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	2050/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
329	1.003622.000. 00.00.H41	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	1183/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

330	1.004088.000.00.00.H41	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	2050/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; HTX	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
331	2.000794.000.00.00.H41	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	1183/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

332	2.001211.000. 00.00.H41	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2113/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
333	2.001212.000. 00.00.H41	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2113/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp,	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

				HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã				
334	2.001214.000.00.00.H41	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2113/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

335	2.001215.000.00.00.H41	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	2113/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; HTX	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
336	2.000477.000.00.00.H41	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	1913 /QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
337	2.000286.000.00.00.H41	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	1913 /QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai

338	1.004082.000. 00.00.H41	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	1540/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
339	1.002211.000. 00.00.H41	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	2040/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
340	1.003005.000. 00.00.H41	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	403/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
341	2.001255.000. 00.00.H41	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	403/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
342	2.001263.000. 00.00.H41	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	403/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

343	2.002165.000.00.00.H41	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	1924/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; HTX	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
344	2.001016.000.00.00.H41	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	009/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
345	2.001019.000.00.00.H41	Chứng thực di chúc	009/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

346	2.001035.000. 00.00.H41	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	009/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
347	2.001023.000. 00.00.H41	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	3292/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
348	1.005461.000. 00.00.H41	Đăng ký lại khai tử	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
349	1.004746.000. 00.00.H41	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
350	1.004772.000. 00.00.H41	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
351	1.004884.000. 00.00.H41	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
352	1.004873.000. 00.00.H41	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
353	1.004859.000. 00.00.H41	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

354	1.004845.000.00.00.H41	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
355	1.004837.000.00.00.H41	Thủ tục đăng ký giám hộ	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
356	1.004827.000.00.00.H41	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1917/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
357	1.000080.000.00.00.H41	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
358	1.000094.000.00.00.H41	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
359	1.000110.000.00.00.H41	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
360	1.000419.000.00.00.H41	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
361	1.000593.000.00.00.H41	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
362	1.003583.000.00.00.H41	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

363	1.000656.000.00.00.H41	Thủ tục đăng ký khai tử	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
364	1.000689.000.00.00.H41	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
365	1.001022.000.00.00.H41	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
366	1.000894.000.00.00.H41	Thủ tục đăng ký kết hôn	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
367	1.001193.000.00.00.H41	Thủ tục đăng ký khai sinh	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
368	2.000424.000.00.00.H41	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	2040/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
369	2.001008.000.00.00.H41	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	009/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
370	2.000992.000.00.00.H41	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	009/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai

371	2.000942.000. 00.00.H41	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	009/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
372	2.000927.000. 00.00.H41	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	009/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

373	2.000913.000. 00.00.H41	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	009/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
374	2.000884.000. 00.00.H41	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	009/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai

375	2.000815.000. 00.00.H41	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	009/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); HTX	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
376	2.000908.000. 00.00.H41	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	009/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
377	2.000547.000. 00.00.H41	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
378	2.000635.000. 00.00.H41	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp,	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

				HTX)				
379	2.000497.000. 00.00.H41	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
380	2.000513.000. 00.00.H41	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
381	1.000893.000. 00.00.H41	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
382	2.000522.000. 00.00.H41	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
383	2.000554.000. 00.00.H41	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
384	2.002189.000. 00.00.H41	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

385	2.000748.000. 00.00.H41	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
386	2.000756.000. 00.00.H41	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
387	1.001669.000. 00.00.H41	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
388	1.001695.000. 00.00.H41	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
389	2.000779.000. 00.00.H41	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

390	1.001766.000.00.00.H41	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
391	2.000806.000.00.00.H41	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
392	2.000528.000.00.00.H41	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	1917/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
393	1.003434.000.00.00.H41	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	1946/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
394	1.003471.000.00.00.H41	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	2143/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

395	1.003347.000. 00.00.H41	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	2143/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
396	1.004498.000. 00.00.H41	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	1796/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
397	1.003956.000. 00.00.H41	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	1796/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

398	1.004478.000.00.00.H41	Công bố mở cảng cá loại III	1347/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); HTX	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
399	1.003702.000.00.00.H41	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	1081/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ GD&ĐT)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
400	1.005099.000.00.00.H41	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	3514/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
401	1.005108.000.00.00.H41	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	3514/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

402	2.001904.000.00.00.H41	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	3514/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
403	2.001842.000.00.00.H41	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	1902,1991/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
404	1.004901.000.00.00.H41	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	4270 /QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
405	1.005010.000.00.00.H41	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	4270 /QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
406	2.001958.000.00.00.H41	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	4270 /QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

					tác xã (Bộ Tài chính)			
407	1.004979.000.00.00.H41	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	4270 /QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
408	1.004982.000.00.00.H41	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	4270 /QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
409	2.001973.000.00.00.H41	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	4270 /QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

410	1.005378.000.00.00.H41	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	4270 /QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
411	1.005277.000.00.00.H41	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	4270 /QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
412	2.002123.000.00.00.H41	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	4270 /QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
413	1.001266.000.00.00.H41	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	2353/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai

414	1.001570.000.00.00.H41	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	2353/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
415	2.000575.000.00.00.H41	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	2353/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
416	2.000720.000.00.00.H41	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	2353/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Xã	Công khai
417	1.001612.000.00.00.H41	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	2353/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Nghệ An	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai